

Bản án số: 95/2023/HS-ST

Ngày: 28-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Phát;
2. Bà Đặng Thị Phương Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Trà Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn U, Sinh ngày 01/01/1980 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: **ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**; Nơi cư trú hiện nay: **ấp B, xã T, huyện C, tỉnh TN**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông **Lê Hữu T** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị E**, sinh năm 1948; Vợ: Chưa có; Con: Có 01 người sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/6/2023 chuyển tạm giam từ ngày 04/7/2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ **Công an thành phố T**; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 25/6/2023, do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên **Lê Văn U** hỏi mượn xe mô tô biển số 52T7-6372 của **Lại Thị H**, sinh năm 1976, ngụ **thôn V, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** đi đến khu vực **bến xe T thuộc Phường B, thành phố T** gặp người tên **T1** (không rõ họ tên, địa chỉ) hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, **T1** đồng ý bán và đưa cho **U** 01 bịch nylon kẹp đầu bên

trong có chứa ma túy. **U** cầm bọc nylon chứa ma túy trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe đi được khoảng vài mét thì gặp một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) đưa cho **U** 01 túi thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, **U** đồng ý mua túi thủy tinh với giá 100.000 đồng rồi cất giấu vào bóp để trong túi quần sau. Khi đi đến đoạn đường **V** thuộc Khu phố **B**, Phường **B**, thành phố **T** thì bị Công an **P2**, thành phố **T** phối hợp Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố **T** phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong lòng bàn tay trái của **U** 01 bọc nylon loại kẹp đầu, bên trong chứa tinh thể rắn trong suốt, 01 túi thủy tinh được cất giấu trong bóp để ở túi quần sau. **U** khai nhận tinh thể rắn trong suốt là ma túy mua để sử dụng, túi thủy tinh là dụng cụ sử dụng ma túy.

Kết luận giám định số 973/KL-KTHS ngày 03/7/2023 của Phòng **K** Công an tỉnh **T**, kết luận: Mẫu tinh thể rắn trong suốt bên trong 01 bọc nylon loại kẹp đầu (ký hiệu **M**) gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng 0,1513 gam.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Đối với 01 bì thư được niêm phong đề ngày 25/6/2023 có chữ ký niêm phong ghi họ tên của người bị bắt **Lê Văn U**, người chứng kiến **Nguyễn Minh S**, **Nguyễn Phong P**; Điều tra viên **Trương Quang P1** và dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố **T**, tỉnh **TN**, bên trong có 01 bọc nylon loại kẹp đầu chứa tinh thể rắn trong suốt (đã sử dụng hết trong công tác giám định). Đối với 01 xe mô tô biển số 52T2-6372, số khung RMMWCH6MM71643167, số máy VDP1P52FMH643167 đã chuyển cho đội Cảnh sát giao thông – trật tự Công an thành phố **T** xử lý theo quy định. Đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố **TN** 01 túi thủy tinh.

Qua xác minh **Lê Văn U** không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

* Bản cáo trạng số 91/CT-VKSTPTN ngày 09/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố **TN** đã truy tố bị cáo: **Lê Văn U** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **TN**, tỉnh **TN** trình bày bản luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn U** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Văn U** từ 01 (Một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/6/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 túi thủy tinh.

* Bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận.

* Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi của bị cáo nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn U đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 25/6/2023, tại đường V thuộc Khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh TN, Lê Văn U có hành vi tàng trữ trái phép 0,1513 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn U phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng. Hành vi của Lê Văn U là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy nên cần xét xử mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khung hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đối với 01 bì thư được niêm phong đề ngày 25/6/2023 có chữ ký niêm phong ghi họ tên của người bị bắt **Lê Văn U**, người chứng kiến **Nguyễn Minh S**, **Nguyễn Phong P**; Điều tra viên **Trương Quang P1** và dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T**, tỉnh TN, bên trong có 01 bìch nylon loại kẹp đầu chứa tinh thể rắn trong suốt (đã sử dụng hết trong công tác giám định).

Đối với 01 xe mô tô biển số 52T2-6372, số khung RMMWCH6MM71643167, số máy VDP1P52FMH643167 đã chuyển cho đội Cảnh sát giao thông – trật tự **Công an thành phố T** xử lý theo quy định.

Đối với 01 tàu thủy tinh là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với người tên **T1** bán ma túy và người bán tàu thủy tinh cho **U**, do không biết họ tên, địa chỉ nên không làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

[10] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn U** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo **Lê Văn U** 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/6/2023.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 tàu thủy tinh.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2023 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Bị cáo **Lê Văn U** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP . HCM
- VKSND cấp cao tại TP . HCM
- TAND tỉnh TN (Phòng KTNV)
- VKSND TPTN;
- Nhà tạm giữ Công an TPTN;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TN;
- CC THADS TPTN;
- THAHS
- Phòng Lý lịch Sở Tư pháp tỉnh TN
- Bị cáo;
- Những người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Dung